

NGHIÊN CỨU SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA CÔNG TÁC TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẦU TƯ ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ CÔNG TRONG XÂY DỰNG HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Lương Hải^{a,*}

*^aKhoa Quản lý xây dựng, Trường Đại học Giao thông vận tải,
số 3 Đường Cầu Giấy, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 16/09/2019, Sửa xong 25/12/2019, Chấp nhận đăng 21/01/2020

Tóm tắt

Công tác tổ chức thực hiện đầu tư là một trong các chức năng quan trọng của hoạt động quản lý nhà nước đầu tư công trong xây dựng hạ tầng đường bộ trong điều kiện hạn chế về nguồn lực cũng như sự phức tạp của cơ chế quản lý thực hiện dự án xây dựng trong điều kiện của Việt Nam. Bài báo thông qua kỹ thuật phân tích định lượng nhằm làm rõ sự ảnh hưởng của công tác tổ chức thực hiện đầu tư tới hiệu quả quản lý nhà nước đầu tư công trong xây dựng hạ tầng đường bộ tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra các nhóm nhân tố chủ yếu trong công tác tổ chức thực hiện đầu tư và trong đó, nhóm nhân tố liên quan đến tổ chức huy động vốn đầu tư, phân bổ vốn đầu tư, phân cấp thực hiện và tiến độ phân bổ vốn đầu tư cho thấy sự ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê ($p \ll 0,05$) đến hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước. Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường bộ ở Việt Nam.

Từ khoá: tổ chức; quản lý đầu tư; hiệu quả đầu tư; hạ tầng đường bộ; quản lý dự án; đầu tư công.

IMPACTS OF ORGANIZING ACTIVITIES INTO EFFICIENCY OF STATE MANAGEMENT IN THE PUBLIC INVESTMENT OF ROAD INFRASTRUCTURE IN VIETNAM

Abstract

The organizing investment implementation is one of the key functions of the state management in road infrastructure investment within a limited resource and the complexity of the project management mechanism as well in Vietnam. This study is aimed to quantitatively to clarify the impact of organizing of the implementing investment into the state management efficiency. The research findings have clarified critical factors in terms of organizing investment implementation, and of which, the group of factors related to capital mobilization, capital allocation, decentralization implementation and capital schedule show statistically significant effects ($p \ll 0,05$) on the state management performance. Research results provide scientific and practical evidences to propose approaches to enhance the capacity of the state management in road infrastructure investment in Vietnam.

Keywords: organizing; investment management; investment efficiency; road infrastructure; project management; public investment.

[https://doi.org/10.31814/stce.nuce2020-14\(1V\)-12](https://doi.org/10.31814/stce.nuce2020-14(1V)-12) © 2020 Trường Đại học Xây dựng (NUCE)

*Tác giả chính. Địa chỉ e-mail: hainl@utc.edu.vn (Hải, N. L.)

1. Giới thiệu

Hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư công trong xây dựng hạ tầng đường bộ đóng vai trò hết sức quan trọng nhằm duy trì và phát triển hệ thống hạ tầng giao thông [1, 2], là cơ sở duy trì và phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Trong đó công tác tổ chức thực hiện đầu tư là một trong những chức năng chủ yếu được tiến hành ở giai đoạn trọng tâm của hoạt động quản lý nhà nước [3], góp phần thực hiện thành công chiến lược và kế hoạch đầu tư đã được xây dựng và trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả của cả quá trình quản lý nói chung.

Công tác tổ chức thực hiện đầu tư được thực hiện trên cơ sở kế hoạch tổng thể về phát triển phát triển hạ tầng giao thông đường bộ được phê duyệt. Theo đó, kế hoạch tổng nhu cầu vốn đầu tư được xây dựng trên cơ sở nhu cầu đăng ký kế hoạch vốn đầu tư từ các địa phương và các Ban quản lý dự án Giao thông vận tải (GTVT), và được phê duyệt của Bộ Tài Chính [4]. Tuy vậy, trong thời gian qua công tác tổ chức thực hiện còn những tồn tại và thách thức, nhất là trong quản lý, huy động vốn, khuyến khích sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân. Trong giai đoạn từ đầu những năm 2000 đến nay, khả năng cân đối nguồn lực luôn thiếu hụt lớn so với nhu cầu đầu tư, đặc biệt trong giai đoạn 2011-2015 khi thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về kiểm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Theo nhu cầu đầu tư được Bộ GTVT tổng hợp kế hoạch đầu tư trung hạn 2015-2020, tính riêng các dự án do Bộ GTVT quản lý, nhu cầu vốn lên đến 952.000 tỷ đồng, trong khi ngân sách chỉ cân đối được 28% nhu cầu [5]. Trong bối cảnh ngân sách hạn hẹp, thêm vào đó nguồn vốn vay ưu đãi khi Việt Nam bước vào ngưỡng quốc gia có thu nhập trung bình giảm dần là những thách thức không nhỏ cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

Trên thực tế trong thời gian qua, nhiều dự án giao thông có quy mô lớn được quy hoạch khá lâu nhưng vẫn án chưa được triển khai vì thiếu vốn. Ví dụ, dự án mở rộng Quốc lộ 13, là tuyến giao thông huyết mạch của Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) nối trục kinh tế Tây Nguyên được phê quy hoạch năm 2000, và được đánh giá là cửa ngõ Đông Bắc quan trọng của thành phố. Tuy vậy, bởi "đói vốn" nên dự án đang bị trì hoãn trong nhiều năm qua [6]. Bên cạnh những rào cản, trở ngại trong việc thu hút vốn cho giao thông đã được bàn luận rất nhiều, có những dự án đã có bố trí vốn đủ rồi tuy nhiên khâu tổ chức thực hiện dự án lại bị ách tắc như lo thủ tục mất nhiều thời gian, giải phóng mặt bằng kéo dài, giải ngân vốn đầu tư chậm ... Theo số liệu tổng hợp báo cáo, tính đến tháng 11/2018, nhiều dự án giao thông tại TP.HCM có tốc độ giải ngân chưa tới 60% so với kế hoạch, hiện Sở GTVT TP.HCM có hơn 450 dự án, và kế hoạch giải ngân vốn năm 2018 là hơn 4.500 tỷ đồng. Tuy nhiên, tỷ lệ giải ngân đến hết tháng 11/2018 mới chỉ đạt 2.600 tỷ (chiếm 58% kế hoạch vốn), còn 1.900 tỷ chưa giải ngân xong [5].

Từ thực trạng về công tác tổ chức thực hiện đầu tư phát triển hệ thống giao thông đường bộ ở Việt Nam cho thấy công tác tổ chức thực hiện đầu tư công xây dựng ảnh hưởng đến hiệu quả quá trình quản lý nhà nước trong đầu tư phát triển giao thông đường bộ; tuy vậy, các tiêu chí đánh giá và mức độ ảnh hưởng của công tác tổ chức thực hiện đầu tư chưa được xem xét và đánh giá ở các nghiên cứu tương tự tại Việt Nam. Vì vậy, việc đánh giá tầm quan trọng của công tác tổ chức thực hiện đầu tư trong sự thành công của hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư phát triển hạ tầng giao thông đường bộ là hết sức cần thiết. Từ đó, góp phần vào hoàn thiện cơ chế, chính sách và thực hiện các giải pháp đồng bộ đảm bảo sự thành công trong việc thực hiện các mục tiêu của quản lý nhà nước. Do đó, trong phạm vi nghiên cứu của bài báo, các khía cạnh khác nhau trong công tác tổ chức thực hiện đầu tư sẽ được xem xét và thông qua các phương pháp phân tích định lượng nhằm đo lường mức độ ảnh hưởng của công tác tổ chức thực hiện đầu tư tới hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trong đầu tư phát triển giao thông đường bộ ở Việt Nam.

2. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu

Để đánh xây dựng mô hình nghiên cứu nhằm làm rõ chức năng tổ chức thực hiện đầu tư trong hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng hạ tầng đường bộ ở Việt Nam, các nhóm tiêu chí đo lường được xem xét trên cơ sở phương pháp luận về khoa học quản lý [7], theo đó chức năng tổ chức thực hiện đầu tư được vận dụng cụ thể vào hoạt động thực tiễn quản lý nhà nước (QLNN) đối với đầu tư phát triển hạ tầng đường bộ. Tổ chức thực hiện là chức năng quản lý trong đó mô tả rõ các quyết định thực hiện kế hoạch được triển khai như thế nào, trong trường hợp đầu tư công trong xây dựng thể hiện qua các quyết định liên quan đến hoạt động tổ chức huy động vốn, tổ chức thông tin của hoạt động đầu tư, phân bổ vốn đầu tư theo kế hoạch đầu tư được phê duyệt; trách nhiệm của các tổ chức/cá nhân trong bố trí bộ máy triển khai các quyết định thực thi kế hoạch [7, 8]. Do đó, các chỉ tiêu đánh giá công tác tổ chức thực hiện đầu tư phải làm rõ các nội dung: huy động vốn, tổ chức thông tin, phân bổ vốn, tổ chức bộ máy và phân cấp thực hiện cụ thể được thể hiện theo Bảng 1.

Bảng 1. Chỉ tiêu đánh giá công tác tổ chức thực hiện đầu tư

Ký hiệu	Nội dung
O1 - Tổ chức huy động vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các hoạt động huy động vốn đầu tư đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch đầu tư đã được xây dựng - Phân cấp trách nhiệm rõ ràng trong tổ chức huy động vốn đầu tư - Phối hợp hiệu quả của các cơ quan, tổ chức trong tổ chức huy động vốn đầu tư
O2 - Tổ chức thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo công bố thông tin công khai trong công tác tổ chức thực hiện đầu tư - Phân cấp tổ chức thông tin rõ ràng trong quá trình thực hiện đầu tư - Phối hợp tiếp nhận và xử lý thông tin minh bạch trong tổ chức thực hiện đầu tư
O3 - Phân bổ vốn đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Vốn đầu tư được phân bổ phù hợp với kế hoạch đầu tư được xây dựng và phê duyệt - Thực hiện phân cấp trách nhiệm rõ ràng trong phân bổ vốn đầu tư - Đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng của các cơ quan, tổ chức trong phân bổ vốn đầu tư
O4 - Phân cấp tổ chức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Phân cấp tổ chức thực hiện đầu tư được thực hiện khoa học và rõ ràng - Phân cấp trách nhiệm, quyền hạn rõ ràng trong tổ chức thực hiện đầu tư - Đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng và minh bạch giữa các cấp thực hiện đầu tư
O5 - Tổ chức bộ máy	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cơ cấu bộ máy trong thực hiện đầu tư phù hợp và hiệu quả theo chức năng nhiệm vụ - Tổ chức quy trình vận hành bộ máy khoa học và minh bạch - Xây dựng cơ chế kiểm soát hiệu quả bộ máy tổ chức thực hiện đầu tư
O6 - Tiến độ phân bổ vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cơ chế vận hành trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng trong quá trình triển khai tiến độ phân bổ vốn cho các dự án đầu tư - Đảm bảo tiến độ trong phân bổ vốn cho các dự án đầu tư đã được phê duyệt theo kế hoạch - Tổ chức giám sát hiệu quả và điều chỉnh kịp thời trong quá trình triển khai tiến độ phân bổ vốn đầu tư

Bên cạnh đó, biến phụ thuộc trong mô hình nghiên cứu được lựa chọn phù hợp đối với hoạt động quản lý là tiêu chí đánh giá tổng thể hiệu quả QLNN đầu tư công xây dựng hạ tầng đường bộ (HQ).

Hiệu quả hoạt động quản lý có thể được đánh giá thông qua nhiều tiêu chí khác nhau tùy thuộc vào mục tiêu và đối tượng nghiên cứu. Tuy vậy, đối tượng của nghiên cứu này là đánh giá ảnh hưởng của các chức năng quản lý, trong đó bao gồm chức năng tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư, do vậy hiệu quả hoạt động quản lý trong trường hợp nghiên cứu này được đánh giá thông qua việc thực thi các chức năng quản lý nhà nước về đầu tư công xây dựng. Vì vậy, mô hình nghiên cứu theo đó được xác lập trên cơ sở các biến độc lập và biến phụ thuộc, theo đó giả thuyết nghiên cứu được phát biểu: công tác tổ chức thực hiện đầu tư công trong xây dựng ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến hiệu quả quản lý nhà nước đầu tư công trong xây dựng hạ tầng đường bộ tại Việt Nam.

2.2. Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu

Số liệu được thu thập thông qua các mẫu khảo sát được thiết kế dựa trên các tiêu chí trong mô hình nghiên cứu được xác lập. Theo mô hình nghiên cứu có thể thấy mẫu khảo sát các thông tin cho các biến trong mô hình sẽ được thiết kế bao gồm: 18 nội dung khảo sát cho các biến tiên lượng (Bảng 2) và 01 nội dung khảo sát cho biến phụ thuộc, tổng cộng có 19 nội dung khảo sát cho tất cả các biến trong mô hình nghiên cứu. Nội dung khảo sát và phương án đánh giá được thiết kế dựa trên thang đo “Likert” với 5 mức độ lựa chọn về các nội dung khảo sát cụ thể. Với mỗi nội dung khảo sát, đối tượng được khảo sát sẽ đánh giá nội dung khảo sát và lựa chọn phương án trả lời theo 5 mức độ khác nhau đối với thang đo “đồng ý”/1 “hài lòng” đối với các chỉ tiêu đánh giá. Kiểm tra tính nhất quán nội tại của các thang đo trong từng biến bằng thông số Cronbach’s Alpha [9]. Dữ liệu trong nghiên cứu được tổng hợp và tiến hành kiểm tra độ tin cậy cho tất cả các biến độc lập trong mô hình nghiên cứu và giá trị Alpha đều đạt lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 0,75, cho thấy các giá trị Alpha đều có độ tin cậy khá cao và là thang đo tốt [9], đảm bảo độ tin cậy cho các bước phân tích tiếp theo.

Các mẫu khảo sát được gửi tới các đối tượng liên quan trực tiếp và liên quan gián tiếp đến hoạt động đầu tư công trong xây dựng hạ tầng đường bộ tại Việt Nam. Cụ thể, đối tượng được khảo sát là những cá nhân hoạt động trong lĩnh vực liên quan như quản lý nhà nước (các đơn vị QLNN về kế hoạch đầu tư xây dựng), cơ quan kiểm soát về đầu tư công (các đơn vị thanh tra và kiểm toán nhà nước), nhà đầu tư, chủ đầu tư và các học giả nghiên cứu trong lĩnh vực. Các đối tượng khảo sát mục tiêu được lựa chọn theo tiêu chí về khả năng đối tượng khảo sát có thể nắm bắt được hầu hết thông tin liên quan đến quá trình tổ chức thực hiện đầu tư một cách đầy đủ và có hệ thống và yêu cầu trả lời các câu hỏi dựa trên trải nghiệm và hiểu biết của mình về các hoạt động thực tiễn hoặc nghiên cứu có liên quan đến quá trình tổ chức thực hiện đầu tư công trong xây dựng hạ tầng đường bộ tại Việt Nam. Tổng cộng có 139 mẫu khảo sát hợp lệ thỏa mãn về các yêu cầu thông tin thu thập, trong đó có 57 mẫu từ cơ quan QLNN, 29 mẫu từ các chủ đầu tư xây dựng, 18 mẫu thuộc về cơ quan kiểm soát về đầu tư công, 18 mẫu thuộc về nhà đầu tư trong lĩnh vực và 17 mẫu thuộc về các học giả nghiên cứu trong lĩnh vực.

Số lượng mẫu khảo sát tối thiểu được thu thập cho nghiên cứu đảm bảo theo tính toán dựa trên đề xuất của Sekara [10], theo đó với mô hình thiết kế và cách tiếp cận của nghiên cứu này, số lượng khảo sát cần đảm bảo tối thiểu 95 mẫu và tối đa 500 mẫu khảo sát để có thể thực hiện các phân tích cho mô hình tiên lượng được thiết kế. Tất cả có 139 mẫu khảo sát thỏa mãn về các yêu cầu thông tin thu thập thu được từ các đối tượng khảo sát mục tiêu thông qua các phương tiện: thư điện tử và các cuộc phỏng vấn trực tiếp đáp ứng các thông tin yêu cầu khảo sát và đủ điều kiện để đưa vào các bước phân tích tiếp theo.

Trước hết, dữ liệu thu thập sẽ được phân tích thống kê mô tả, tiếp theo phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính (linear regression) được lựa chọn phân tích mô hình tiên lượng để kiểm định giả thuyết nghiên cứu. Đây là một phương pháp truyền thống phù hợp với các mẫu phân tích có số lượng biến không quá lớn, và có thể được thực hiện trong hầu hết các phần mềm phân tích thống kê.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Phân tích mô tả dữ liệu thu thập

Kết quả phân tích mô tả chung về các chỉ tiêu đo lường hoạt động tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư được thể hiện ở Bảng 2. Qua kết quả phân tích cho thấy mức độ đánh giá về hoạt động này đều xoay quanh ngưỡng trung bình. Các chỉ tiêu O1 - tổ chức huy động vốn đầu tư, O2 - tổ chức thông tin, O6 - tổ chức tiến độ trong phân bổ vốn, đều đạt ở mức đánh giá dưới ngưỡng trung bình, phản ánh các tiêu chí này được đánh giá mức yếu kém trong hoạt động tổ chức thực hiện đầu tư. Kết quả này được nhìn nhận là khá là phù hợp với thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư diễn ra trong thực tiễn suốt một thời gian dài. Công tác huy động vốn cho nhu cầu đầu tư đã và đang là bài toán nan giải để đáp ứng được nhu cầu đầu tư, sự công khai minh bạch thông tin trong hoạt động phân bổ vốn và tiến độ phân bổ vốn đều được ghi nhận là chưa đạt yêu cầu và mong muốn của toàn xã hội, đặc biệt tiến độ phân bổ vốn chậm trễ là nguyên nhân gây ách tắc trong đầu tư và đưa tài sản công vào khai thác sử dụng, làm giảm hiệu quả đầu tư công trong xây dựng cơ sở hạ tầng đường bộ.

Bảng 2. Phân tích thống kê mô tả các chỉ tiêu liên quan tổ chức thực hiện đầu tư

Thứ tự	Chỉ tiêu	N	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
1	O1	139	2,7266	0,96913
2	O2	139	2,9424	0,80550
3	O3	139	3,0288	0,81599
4	O4	139	3,4388	0,74323
5	O5	139	3,0576	0,75919
6	O6	139	2,7194	0,82558

Mặt khác, phân tích sự khác biệt trong nhận thức của các nhóm đối tượng được khảo sát về các tiêu chí đánh giá hoạt động tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công (Bảng 3) cho thấy, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về đánh giá của các nhóm đối tượng khảo sát khác nhau đối với các chỉ tiêu tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công. Kết quả này cho thấy sự thống nhất trong đánh giá của các nhóm đối tượng về thực trạng hoạt động tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trong thời gian qua, là cơ sở phù hợp để tiến hành các bước phân tích tiếp theo trên bộ số liệu thu thập.

Bảng 3. Phân tích phương sai phi tham số của các chỉ tiêu PL

Chỉ tiêu phân tích	O1	O2	O3	O4	O5	O6
Chi-Square	5,795	7,804	6,210	3,119	2,295	4,434
Bậc tự do (df.)	5	5	5	5	5	5
Mức ý nghĩa (Sig.)	5,795	7,804	6,210	3,119	2,295	4,434

3.2. Phân tích mô hình tiên lượng

Phân tích tương quan được thực hiện để kiểm định mức độ tương quan giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc trong mô hình tiên lượng trước khi phân tích hồi quy. Kết quả phân tích (Bảng 4) cho thấy giá trị về mối tương quan của các biến độc lập và phụ thuộc đều có ý nghĩa thống kê ($p < 0,01$). Kết quả này một mặt cho thấy sự phù hợp của các tiêu chí đánh giá công tác tổ chức thực hiện kế

hoạch được lựa chọn đưa vào mô hình phân tích, mặt khác mức độ tương quan cũng cho thấy sẽ có những sự ảnh hưởng nhất định giữa các biến độc lập đến biến phụ thuộc trong mô hình phân tích hồi quy.

Bảng 4. Phân tích tương quan các chỉ tiêu O (Correlations)

		O1	O2	O3	O4	O5	O6
HQ	Hệ số tương quan	.481**	.496**	.548**	.499**	.389**	.473**
	Mức ý nghĩa (Sig.)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
	Hiệp phương sai	0,355	0,304	0,341	0,283	0,225	0,297
	N	139	139	139	139	139	139

Tiếp theo, phân tích hồi quy được tiến hành, kết quả phân tích mô hình tiên lượng được thể hiện ở các Bảng 5 và Bảng 6. Kết quả chọn lọc mô hình tốt nhất được thuật toán “stepwise” đề xuất trên cơ sở chọn lọc tổ hợp biến độc lập được đưa vào mô hình giải thích cho biến phụ thuộc.

Bảng 5. Tóm tắt thông số mô hình được lựa chọn

Mô hình	Giá trị R	Giá trị R_Square	Giá trị R_Square hiệu chỉnh	Sai số chuẩn ước lượng	Giá trị F test	Mức ý nghĩa (Sig.)
1	0,645	0,416	0,403	0,58832	32,045	0,000

Cụ thể, mô hình ảnh hưởng của các biến độc lập đến biến phụ thuộc được thuật toán đề xuất ở Bảng 6. Trong mô hình chọn lọc này, bốn biến độc lập: O1 - Tổ chức huy động vốn đầu tư; O3 - Phân bổ vốn đầu tư; O4 - Phân cấp tổ chức thực hiện đầu tư, và O6 - Tiến độ phân bổ vốn ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) tới biến phụ thuộc: Hiệu quả QLNN đầu tư công xây dựng (HQ), mô hình có thể giải thích 40,3% sự khác biệt của biến phụ thuộc HQ, đạt mức có ý nghĩa thống kê (F-test với $p < 0,001$).

Bảng 6. Mô hình tiên lượng cho biến phụ thuộc (HQ)

Biến tiên lượng	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	Giá trị t-test	Mức ý nghĩa (Sig.)	Phân tích đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Độ chấp nhận	Giá trị VIF
Bậc tự do	0,670	0,254		2,635	0,009		
O1	0,224	0,060	0,286	3,719	0,000	0,734	1,362
O3	0,221	0,083	0,237	2,656	0,009	0,543	1,840
O4	0,305	0,081	0,298	3,766	0,000	0,693	1,443
O6	0,375	0,089	0,268	3,769	0,000	0,659	1,749

Thứ nhất, kết quả phân tích định lượng thể hiện qua mô hình chọn lọc tốt nhất đã khẳng định giả thuyết nghiên cứu: tổ chức huy động vốn đầu tư đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch đầu tư đã được xây dựng đã ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê ($p < 0,0001$) đến hiệu quả QLNN đầu tư công trong xây dựng hạ tầng đường bộ. Trên thực tế, kế hoạch vốn được xây dựng cần phải được đảm bảo

tính khả thi thông qua tổ chức thực hiện huy động vốn tích cực, vì bản thân vốn đầu tư cho lĩnh vực cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ chiếm một lượng rất lớn, trong khi đó nguồn lực có sẵn từ khu vực Nhà nước là rất hạn chế [11], do vậy tổ chức huy động vốn một cách tích cực theo kế hoạch đóng vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện thành công kế hoạch đầu tư đã lập nói riêng, và đóng góp chung vào sự thành công của hoạt động QLNN về đầu tư công xây dựng hạ tầng đường bộ nói riêng.

Thứ hai, kết quả phân tích tiên lượng cũng khẳng định giả thuyết nghiên cứu: Tổ chức phân bổ vốn đầu tư phù hợp với kế hoạch đầu tư được xây dựng và phê duyệt đóng vai trò ảnh hưởng tích cực, có ý nghĩa thống kê ($p < 0,000$) đến hiệu quả QLNN đầu tư công trong xây dựng hạ tầng đường bộ. Phân bổ vốn đầu tư trong điều kiện nguồn vốn hạn hẹp rõ ràng đóng vai trò tiên quyết trong việc cụ thể hóa các quyết định đầu tư trong đó kết hợp hài hòa và ưu tiên cho bài toán đa mục tiêu trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại Việt Nam. Đây là một vấn đề hết sức khó khăn khi triển khai trên thực tế vì việc phân bổ vốn thường bị tác động bởi các lợi ích cục bộ hoặc những tác động bên ngoài làm lệch hướng các quyết định hay kế hoạch khoa học đã được lập, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả QLNN trong đầu tư công.

Thứ ba, kết quả phân tích tiên lượng đồng thời khẳng định giả thuyết nghiên cứu: Phân cấp tổ chức thực hiện đầu tư được thực hiện khoa học và rõ ràng đóng vai trò ảnh hưởng tích cực, có ý nghĩa thống kê ($p < 0,000$) đến hiệu quả QLNN đầu tư công trong xây dựng hạ tầng đường bộ. Đầu tư công trong xây dựng hạ tầng đường bộ trên thực tế liên quan đến rất nhiều tổ chức và cá nhân thuộc nhiều Bộ, Ngành và Địa phương khác nhau tùy thuộc theo quy mô và tính chất của nguồn vốn. Do đó, để vận hành hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện đầu tư, việc phân cấp và phân quyền quản lý là hết sức quan trọng, trong đó các đơn vị hoặc cá nhân phải hiểu rõ và thực thi nghiêm túc các quyền hạn và trách nhiệm của mình trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư. Đồng thời, phân cấp tổ chức thực hiện khoa học và rõ ràng một mặt thúc đẩy tiến độ đầu tư, mặt khác góp phần giảm thiểu sự chông chéo, những nhiễu trong đầu tư xây dựng, góp phần nâng cao hiệu quả QLNN đầu tư công trong xây dựng.

Thứ tư, kết quả phân tích tiên lượng khẳng định giả thuyết nghiên cứu: tổ chức thực hiện tiến độ trong phân bổ vốn cho các dự án đầu tư đã được phê duyệt theo kế hoạch đóng vai trò ảnh hưởng tích cực, có ý nghĩa thống kê ($p < 0,000$) đến hiệu quả QLNN trong đầu tư công xây dựng hạ tầng đường bộ. Trong những năm qua, đảm bảo tiến độ phân bổ vốn cho các dự án đóng vai trò quyết định tới sự thành công của việc thực hiện kế hoạch đầu tư nói chung và các dự án đầu tư cụ thể nói riêng. Dự án được bố trí vốn đầy đủ theo tiến độ thì thông thường sẽ hoàn thành sớm hoặc đúng tiến độ để đưa vào khai thác sử dụng, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn đầu tư và ngược lại.

Tuy vậy, trong mô hình tiên lượng chọn lọc cho thấy các tiêu chí: tổ chức thông tin trong công tác phân bổ vốn đầu tư và tổ chức vận hành bộ máy thực hiện đầu tư đạt hiệu quả không được lựa chọn ưu tiên trong việc giải thích sự khác biệt có ý nghĩa thống kê cho biến phụ thuộc ($p > 0,05$). Sự ưu tiên chọn lọc này về lý thuyết là rất khó để giải thích một cách thỏa đáng. Thật vậy, tổ chức thông tin minh bạch kế hoạch phân bổ vốn đảm bảo cho các bên liên quan được chủ động trong việc chuẩn bị nguồn lực để thực thi kế hoạch có hiệu quả, hay đảm tổ chức bộ máy thực hiện khoa học đều cho thấy chỉ dấu có quan hệ với hiệu quả QLNN đầu tư công trong xây dựng. Kết quả này có thể chưa phản ánh các mong muốn về các nguyên tắc quản lý, tuy vậy sự chọn lọc này có thể phần nào được giải thích trong điều kiện QLNN về đầu tư công xây dựng tại Việt Nam.

4. Kết luận

Nghiên cứu làm rõ sự ảnh hưởng giữa các biến liên quan đến công tác tổ chức thực hiện lập kế hoạch và hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư công trong xây dựng hạ tầng đường bộ tại Việt Nam

thông qua các phân tích định lượng, kết quả phân tích đã chỉ ra bằng chứng khoa học để chấp nhận giả thuyết nghiên cứu, các biến độc lập: tổ chức huy động vốn đầu tư; phân bổ phù hợp vốn đầu tư, phân cấp tổ chức thực hiện đầu tư, và tiến độ phân bổ vốn đầu tư có sự ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) đến biến phụ thuộc - hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư công xây dựng hạ tầng đường bộ. Kết quả phân tích cho tổ hợp biến phụ thuộc có thể giải thích được 40,3% sự khác biệt ($R_square = 0,403$) có ý nghĩa thống kê ($p < 0,000$) của biết phụ thuộc trong mô hình tiên lượng chọn lọc.

Kết quả nghiên cứu trước hết là cơ sở khoa học và thực tiễn cho các cơ quan có trách nhiệm liên quan trong việc đề xuất các giải pháp quản lý nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đầu tư công trong xây dựng hạ tầng nói chung và quản lý các dự án xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng đường bộ nói riêng tại Việt Nam. Mặt khác, kết quả nghiên cứu góp phần củng cố các giá trị mang tính chất lý luận của học thuyết quản lý ở một góc độ nào đó trong trường hợp vận dụng vào hoạt động QLNN trong đầu tư công xây dựng. Đồng thời, những tồn tại của kết quả nghiên cứu là ý tưởng gợi mở cho các thiết kế nghiên cứu trong tương lai nhằm hoàn thiện và giải thích được thấu đáo và thuyết phục hơn các vấn đề còn tồn tại trong hoạt động QLNN đầu tư công xây dựng tại Việt Nam.

Tuy vậy, nghiên cứu cũng gặp phải những hạn chế nhất định trong quá trình tiến hành. Thứ nhất, các chỉ tiêu lựa chọn trong khảo sát có thể chưa phản ánh hết các khía cạnh trong thực tiễn của hoạt động đầu tư công trong xây dựng hạ tầng đường bộ, do đó sự nghiên cứu và bổ sung để làm phong phú các chỉ tiêu này là cần thiết và sẽ cho kết quả tốt hơn. Thứ hai, chức năng tổ chức thực hiện phải được nghiên cứu bên cạnh chức năng kiểm soát quá trình thực hiện theo các nguyên tắc chung của khoa học quản lý thì sẽ cho thấy rõ hơn thực trạng hoạt động QLNN đầu tư công trong xây dựng hạ tầng đường bộ.

Tài liệu tham khảo

- [1] WB (2006). *Vietnam's infrastructure challenge - infrastructure strategy: cross-sectoral issues*. World Bank: Washington, DC.
- [2] Nhi, D. T. (2014). [Vietnam country report. Financing ASEAN Connectivity](#), 401–429.
- [3] WEF F.E.M. (2013). *The global competitiveness report 2012-2013*. World Economic Forum.
- [4] Hải, N. L. (2019). [Nghiên cứu sự ảnh hưởng của công tác lập kế hoạch đến hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trong đầu tư công xây dựng hạ tầng đường bộ tại Việt Nam](#). *Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng (KHCN XD)-ĐHXD*, 13(3V):108–115.
- [5] Vụ Kế hoạch đầu tư (2019). *Báo cáo thường kỳ*. Bộ giao thông vận tải.
- [6] Nhật, N. (2019). [Không khơi thông nguồn vốn tư nhân, nhiều dự án giao thông sẽ chậm tiến độ](#).
- [7] Williams, C. (1972). *Principles of management*. South-Western Cengage Learning.
- [8] Marglin, S. A. (2014). *Public Investment Criteria (Routledge Revivals): Benefit-Cost Analysis for Planned Economic Growth*. Routledge.
- [9] Cserhátí, G., Szabó, L. (2014). [The relationship between success criteria and success factors in organisational event projects](#). *International Journal of Project Management*, 32(4):613–624.
- [10] Sekaran, U., Bougie, R. (2016). *Research methods for business: A skill building approach*. John Wiley & Sons.
- [11] Nguyen, L. H., Watanabe, T., Le, T. T. (2016). [An investigation of the relationship between project organizational culture and procurement approach of construction project organizations](#). *Internet Journal of Society for Social Management Systems*, 1(10):50–61.